TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰ 7 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 9 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế.

2. Ông Nguyễn Bạch Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhựt Hồ, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, ấp H, xã P, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Võ Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số B, ấp H, xã P, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Đoàn Thanh T trình bày: Chị T và anh H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2005, sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi tự nguyện về sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh H. Quá trình chung sống, chị T với anh

H có 01 con chung tên Võ Thị Thẩm M, sinh ngày 06/6/2006, đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Anh Võ Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và các văn bản tố tụng khác, nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Chị T chấp hành đúng quy định của pháp luật. Anh H vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2025 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang chấp giữa các đương sự là: *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Võ Văn H, địa chỉ: Số B, ấp H, xã P, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Võ Văn H vắng mặt không lí do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lí do, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, chị T cho rằng chị và anh H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn. Do cuộc sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị T và anh H đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh H. Anh H vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Do chị T và anh H không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…"

Theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

" 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....".

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

"1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....".

Do hôn nhân của chị T và anh H không đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận chị T và anh H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H sống chung với nhau có 01 con chung tên Võ Thị Thắm M, sinh ngày 06/6/2006 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T với anh H không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Đoàn Thanh T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thanh T. Không công nhận chị Đoàn Thanh T và anh Võ Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đoàn Thanh T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006300 ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thanh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Võ Văn H vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, khu vực 7;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ. (H)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Phước